

BẢN TIN

Về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng,
chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Tính đến 15h00' ngày 24/12/2021)

I. THÔNG TIN CẬP NHẬT VỀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

1. Tại Việt Nam

- Tính đến 14h00' ngày 24/12/2021, ghi nhận 1.604.712 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó: 1.184.428 điều trị khỏi, 388.841 đang điều trị, 30.531 tử vong (tăng 280 trường hợp).

- Tổng số ca lây nhiễm COVID-19 trong nước tính từ ngày 27/4/2021 đến nay có 1.598.237 trường hợp (tăng 16.367 trường hợp).

- Tổng hợp đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế cập nhật tại đường link: <https://capdodich.yte.gov.vn/map>

2. Tại tỉnh Vĩnh Phúc

2.1. Tổng số ca mắc COVID-19: 2.395 ca (tăng 104), trong đó:

- Ghi nhận tại tỉnh: 2.382 ca, tăng 104 ca, trong đó: 18 ca đã cách ly tập trung; 67 ca tại cộng đồng; 19 cách ly tại nhà (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

- Nhập cảnh cách ly y tế tại tỉnh: **13** trường hợp.

2.2. Tình hình điều trị: 861 bệnh nhân đang điều trị (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*); 1.528 bệnh nhân (tăng 72); 06 bệnh nhân tử vong.

3. Tổng số trường hợp đã được giám sát y tế: lũy tích 140.847 người.

- Số F1 đang cách ly: 1.729 người, tích lũy 16.050 người (tăng 592).

- Số F2 đang cách ly: 772 người, tích lũy 59.584 người (tăng 537).

- Số trở về từ các vùng có dịch của các tỉnh/thành phố khác từ ngày 22/6/2021 đến nay: 33.314 trường hợp (tăng 144) tại các tỉnh/thành phố: TPHCM (4.852), Hà Nội (13.379), Đồng Nai (419), Bình Dương (506), Phú Thọ (8.962) và các vùng có dịch khác (5.199). Số trường hợp đã lấy mẫu xét nghiệm 52.609 (Dương tính: 263, âm tính: 52.290, chờ kết quả: 56).

- Đang cách ly y tế tập trung: 3.240 trường hợp.

- Đang cách ly y tế tại nhà: 2.648 trường hợp.

4. Tình hình xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh (từ ngày 30/4/2021 đến nay):

4.1. Tổng số mẫu được lấy xét nghiệm trong ngày: 13.029 mẫu (9.310 Realtime

- PCR; 3.719 Test nhanh).

4.2. Tổng số mẫu xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 toàn tỉnh 1.661.635 mẫu (2.395 mẫu dương tính; 1.658.333 mẫu âm tính; 907 chờ kết quả), trong đó:

- Nhóm 1: Đối tượng đối tượng xét nghiệm theo quy định Bộ Y tế (F0, F1, bệnh nhân có triệu chứng sốt, ho, triệu chứng cúm...). Trong ngày: 11.752 mẫu, lũy tích: 609.297 mẫu.

- Nhóm 2: Đối tượng xét nghiệm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của HĐND tỉnh: trong ngày 0 mẫu, tích lũy 90.447 mẫu.

- Nhóm 3: Đối tượng xét nghiệm tự nguyện: 960.119 mẫu, trong đó:

- + Xét nghiệm tại các doanh nghiệp: Trong ngày: 182 mẫu, lũy tích: 424.343 mẫu.

- + Xét nghiệm cho người dân: Trong ngày: 1.079 mẫu, lũy tích: 535.776 mẫu.

5. Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19:

5.1. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 18 tuổi trở lên:

- Tổng dân số từ 18 tuổi trở lên: 810.197 người.

- Tổng số vắc xin đã được nhận: 1.471.186 liều.

- Tổng số người đã được tiêm: 772.973 người (đạt 95.4% dân số trên 18 tuổi).

- Tổng số mũi đã được tiêm: 1.530.461 mũi (Mũi 1: 772.973; Mũi 2: 757.488, đạt 93.5% dân số trên 18 tuổi).

- Kết quả tiêm:

- + Từ đợt 1 đến đợt 9: 431.322 mũi (Mũi 1: 364.276; Mũi 2: 67.046).

- + Đợt 10: Số tiêm trong ngày: 449 người, lũy tích: 1.099.114 mũi, đạt 101.7%.

5.2. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 12-17 tuổi:

- Tổng số người từ 12-17 tuổi: 126.825 người.

- Tổng số vắc xin đã được nhận: 131.904 liều.

- Tổng số người được tiêm trong ngày: 3.975 người, tích lũy: 116.463 người (Mũi 1: 104.998 người, đạt 82,79% trẻ từ 12-17 tuổi), Mũi 2: 11.465 người (đạt 9,04% trẻ từ 12-17 tuổi).

6. Khoanh vùng, cách ly xã hội: 0 địa điểm.

II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO

1. Các bệnh viện điều trị COVID-19:

1.1. Bệnh viện tuyến tỉnh: sẵn sàng bảo đảm điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19, dự kiến: 544 người.

1.2. Bệnh viện tuyến huyện: sẵn sàng các cơ sở điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19 tại 9 huyện/thành phố với quy mô 50 giường/huyện (tổng 450 giường).

2. Các khu cách ly tập trung:

2.1. Thực trạng vận hành các cơ sở cách ly hiện có: tổng số cơ sở đang có các trường hợp thực hiện cách ly: 34 cơ sở.

2.2. Phương án nâng cấp/bổ sung thêm các cơ sở cách ly mới: sẵn sàng các địa điểm cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh dự kiến có thể tiếp nhận 20.000 công dân.

3. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh:

3.1. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, hoạt động của người nước ngoài:

Trong ngày, có 36 người nước ngoài (Hàn Quốc 29, Trung Quốc 03, quốc tịch khác 04) đến khai báo tạm trú trên địa bàn tỉnh với các mục đích: Công tác 04, du lịch 20, cách ly 12. Hiện, toàn tỉnh có tổng số 2.910 người nước ngoài cư trú, hoạt động tại 289 cơ quan, doanh nghiệp, trường học; trong đó có 132 người nước ngoài đang cách ly sau khi nhập cảnh tại khu cách ly của Khách sạn Dic Star, Vĩnh Phúc. Chưa phát hiện người nước ngoài có vi phạm về xuất nhập cảnh, lưu trú.

3.2. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch:

Trong ngày, lực lượng Công an kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại 06 cơ sở kinh doanh, lưu trú, 05 cơ sở tôn giáo; chưa phát hiện cơ sở vi phạm.

Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 05 trường hợp số tiền 5.000.000đ về hành vi không đeo khẩu trang nơi công cộng (Yên Lạc).

Lũy kế từ ngày 01/5/2021 đến nay, lực lượng Công an Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt hoặc đề nghị xử phạt 3.960 trường hợp số tiền 8.397.300.000 đồng.

4. Các Tổ phòng, chống COVID cộng đồng: tổng số 1.370 tổ, với 11.186 thành viên tham gia.

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI

1. Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 hiện nay tại khu vực Đông Nam Á đang diễn biến phức tạp; đã phát hiện biến chủng Omicron ở nhiều quốc gia giáp ranh với Việt Nam như Campuchia, Thái Lan,...; Nguy cơ biến chủng Omicron xâm nhập vào Việt Nam (trong đó có Vĩnh Phúc) là rất cao. Số ca mắc mới tăng nhanh tại nhiều tỉnh. Trên địa bàn tỉnh *trong một tháng gần đây, trung bình mỗi ngày ghi nhận khoảng 51 ca, trong đó nhiều ca tại cộng đồng và đã xuất hiện các ca mắc mới tại các doanh nghiệp cả trong và ngoài khu công nghiệp.*

Để tiếp tục chủ động, quyết liệt, kiểm soát hiệu quả và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian tới, đặc biệt dịp Tết Dương lịch năm 2022 và Tết Nguyên đán Nhâm Dần; Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh Vĩnh Phúc *ban hành Văn bản số 11323/CV-BCĐ ngày 20/12/2021* đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khẩn trương triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Yêu cầu các cán bộ công chức, viên chức, người lao động và toàn thể nhân dân: Trong dịp nghỉ Tết Dương lịch, Tết Nguyên Đán Nhâm Dần hạn chế di chuyển khi không cần thiết để đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh, cũng như bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình. Tuyên truyền, vận động, thông tin đến người thân trong gia đình đang học tập, làm việc ngoài tỉnh hạn chế đi/về tỉnh.

Trường hợp do nhu cầu phải đến/về địa phương, yêu cầu phải khai báo y tế, thông báo với chính quyền địa phương và làm xét nghiệm, có kết quả âm tính SARS-CoV-2 trước khi trở về địa phương, gia đình (*RT-PCR hoặc Test nhanh kháng nguyên*).

1.2. Tiếp tục chỉ đạo dừng tổ chức các lễ hội, các sự kiện, liên hoan, tiệc cuối năm tập trung đông người (trừ các hội nghị theo yêu cầu nhiệm vụ, được phép cơ quan

có thẩm quyền).

1.3. Nghiêm cấm tổ chức ăn uống linh đình. Hạn chế tối đa số người tại các đám cưới, đám hiếu, đám giỗ, chạp, sang cát, mừng thọ... theo đúng hướng dẫn của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; gia đình tổ chức phải ký cam kết thực hiện nghiêm với chính quyền địa phương bằng văn bản. UBND cấp xã, Tổ COVID cộng đồng, Tổ Liên gia tự quản giám sát việc thực hiện theo quy định. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

1.4. UBND các huyện, thành phố

1.4.1. Tập trung tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19; Dừng các hoạt động tập trung đông người không cần thiết; Đánh giá mức độ nguy cơ, điều chỉnh tăng cấp độ dịch; trên cơ sở đó ban hành văn bản chỉ đạo hạn chế các hoạt động tương ứng (trách nhiệm thuộc Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 cấp cơ sở).

1.4.2. Đóng các lối mở ra/vào các vùng, khu có dịch và có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ trong khu vực được phong tỏa.

1.4.3. Nâng tỷ lệ xét nghiệm tầm soát lên ít nhất 10-20%, tăng cường xã hội hóa xét nghiệm; tầm soát ngẫu nhiên hàng ngày và luân phiên hàng tuần tại các hộ gia đình, khu dân cư. Các doanh nghiệp phải chủ động nâng tỷ lệ xét nghiệm tầm soát lên mức tối đa (có thể) khi nguy cơ, cấp độ dịch tăng lên.

1.4.4. Tổ chức tiêm ngay lượng vắc xin đã được phân bổ để tăng tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19; phấn đấu **đến ngày 31/12/2021** tiêm đạt 100% mũi 2 cho người từ 18 tuổi trở lên (trừ trường hợp chống chỉ định); đạt 100% số trẻ từ 12-17 tuổi tiêm mũi 1 (trẻ đủ điều kiện), đảm bảo an toàn và nhanh nhất có thể theo hướng dẫn của Sở Y tế, không để sót ai thuộc diện chỉ định tiêm mà không được tiêm chủng đầy đủ (kể cả mũi tăng cường khi có kế hoạch triển khai), đặc biệt những người thuộc nhóm có nguy cơ cao theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phải rà soát và chịu trách nhiệm phân loại, báo cáo số lượng đủ điều kiện tiêm chủng, số không đủ điều kiện tiêm chủng với Sở Y tế.

Đối với những người đủ điều kiện tiêm chủng nhưng cố tình không tiêm vắc xin phòng COVID-19, nếu mắc COVID-19 phải chịu trách nhiệm và phải tự chi trả các chi phí điều trị.

1.4.5. Phối hợp với Sở Y tế xây dựng kế hoạch thành lập thêm cơ sở điều trị bệnh nhân COVID-19 với quy mô 200 giường bệnh/1 huyện; quy mô từ 300 - 500 giường/1 thành phố để sẵn sàng tiếp nhận điều trị bệnh nhân nhẹ, không triệu chứng trên địa bàn.

1.4.6. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

1.4.7. Duy trì hoạt động của Trạm Y tế lưu động, Tổ chăm sóc người nhiễm COVID-19 cộng đồng đảm bảo về tổ chức, nhân lực, địa bàn, trang thiết bị y tế để tất cả người dân bị cách ly, điều trị COVID-19 tại cộng đồng đều được hướng dẫn, chăm

sóc về y tế.

1.4.8. Yêu cầu các chủ khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở kinh doanh lưu trú trên địa bàn phải có trách nhiệm xét nghiệm test nhanh COVID-19 cho khách lưu trú; kết quả âm tính mới được phép lưu trú.

1.4.9. Trường hợp test nhanh cho khách lưu trú, nếu có kết quả dương tính thì xử trí ngay các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

1.5. Giao Ban Quản lý các khu công nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, UBND các huyện, thành phố theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách:

1.5.1. Chỉ đạo các doanh nghiệp thường xuyên đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch COVID-19 tới từng phân xưởng/khu vực sản xuất, đánh giá tối thiểu 1 tuần/lần. Kết quả đánh giá nguy cơ lây nhiễm COVID-19 là cơ sở để yêu cầu doanh nghiệp tổ chức xét nghiệm luân phiên mẫu gộp cho từ 10-20% người lao động/1 tuần trong các doanh nghiệp.

1.5.2. Yêu cầu chủ doanh nghiệp kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổ an toàn COVID thực hiện nghiêm việc kiểm soát người lao động trong doanh nghiệp mình, đặc biệt thực hiện triệt để việc khai báo y tế để thực hiện xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp.

1.5.3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo thực hiện xét nghiệm sàng lọc COVID-19 mẫu gộp định kỳ hàng tuần cho 100% người lao động, người bán hàng trong chợ, trung tâm thương mại, cơ sở kinh doanh dịch vụ bằng xã hội hóa.

1.5.4. Chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện phương châm 3 tại chỗ đối với từng doanh nghiệp.

1.6. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với UBND các huyện, thành phố xem xét, cho đi học trở lại ở những địa bàn đã kiểm soát được dịch COVID-19; đồng thời có các biện pháp khi cho học sinh trở lại trường để đảm bảo an toàn phòng, chống dịch.

1.7. Sở Y tế (cơ quan thường trực Ban chỉ đạo)

1.7.1. Cập nhật thông tin, đánh giá nguy cơ, dự báo tình hình, chủ động đề xuất UBND tỉnh/BCĐ tỉnh chỉ đạo về chuyên môn trong công tác phòng, chống dịch, nhất là phát hiện sớm biến chủng mới, tăng cường năng lực y tế cơ sở, không để quá tải hệ thống y tế.

1.7.2. Phối hợp với UBND cấp huyện trong việc xây dựng kế hoạch bổ sung thêm cơ sở điều trị bệnh nhân COVID-19 với quy mô 200 giường bệnh/ 1 huyện; quy mô mở rộng thêm: từ 300 - 500 giường/1 thành phố (ngoài chỉ tiêu 170 giường bệnh đã giao cho UBND cấp huyện) để sẵn sàng tiếp nhận điều trị bệnh nhân nhẹ, không triệu chứng trên địa bàn. Đồng thời hướng dẫn UBND cấp huyện về khung nhân lực, vật tư, trang thiết bị y tế để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

1.7.3. Sử dụng kết quả xét nghiệm test nhanh kháng nguyên COVID-19 (test nhanh do Bộ Y tế cấp phép) để theo dõi và xác định kết thúc thời gian cách ly tập trung và cách ly tại nhà để đáp ứng với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

1.7.4. Chỉ đạo rà soát tất cả các trường hợp nhập cảnh từ ngày 28/11/2021 có kết quả xét nghiệm COVID-19 dương tính bằng phương pháp NAAT (Nucleic Acid Amplification Test), PCR trong vòng 14 ngày (kể từ ngày nhập cảnh), phối hợp với Sở Y tế để đánh giá dịch tễ, lấy mẫu xét nghiệm gửi về Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương để thực hiện xét nghiệm giải trình tự gen nhằm xác định biến thể Omicron.

Tăng cường hệ thống giám sát nhằm sớm phát hiện sớm các ổ dịch, chùm ca bệnh có diễn biến, đặc điểm bất thường (số mắc, diễn biến nặng hoặc nhập viện, tử vong tăng bất thường theo thời gian, khu vực, đối tượng cụ thể); để kịp thời phối hợp với Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương giám sát, chỉ đạo.

1.7.5. Chỉ đạo các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh sẵn sàng cử cán bộ tham gia phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu. Thống kê danh sách cán bộ y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh, yêu cầu các cơ sở y tế tư nhân cung cấp danh sách tối thiểu 20% cán bộ y tế của đơn vị để sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có yêu cầu kể từ ngày 25/12/2021.

1.7.6. Tổ chức hướng dẫn, tập huấn điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà.

1.8. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát chặt chẽ người nhập cảnh vào Việt Nam trên địa bàn tỉnh, để kiểm soát, ngăn chặn biến chủng Omicron xâm nhập và lây lan trên địa bàn, đặc biệt là người đến từ các quốc gia trong khu vực Đông Nam á đã phát hiện biến chủng Omicron như: Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Philippines...

2. Ngày 19/12/2021, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Văn bản số 11285/UBND-VX1 quy định biện pháp thực hiện phòng, chống dịch COVID-19 đối với người nhập cảnh và trường hợp F1 đã tiêm đủ liều vắc xin hoặc đã khỏi bệnh COVID-19, cụ thể:

2.1. Đối với người nhập cảnh:

2.1.1. Yêu cầu chung phòng, chống dịch đối với người nhập cảnh:

- Có kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 (bằng phương pháp RT-PCR/RT-LAMP) trong vòng 72 giờ trước khi nhập cảnh vào Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền của nước thực hiện xét nghiệm cấp chứng nhận (trừ trường hợp trẻ em dưới 2 tuổi).

- Thực hiện khai báo y tế trước khi nhập cảnh; Khi nhập cảnh Việt Nam phải cài đặt và sử dụng ứng dụng khai báo y tế (PC-COVID) để khai báo y tế, theo dõi sức khỏe theo quy định của Việt Nam (đối với khách nhập cảnh với mục đích ngoại giao, công vụ thì khuyến khích sử dụng).

- Trường hợp người nhập cảnh là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và thân nhân (gồm vợ/chồng, con) chưa tiêm vắc xin hoặc tiêm chưa đủ liều vắc xin COVID-19 sẽ thực hiện tiêm chủng vắc xin COVID-19 (tiêm miễn phí) trong thời gian thực hiện cách ly (nếu đủ điều kiện).

- Đối với đoàn khách nhập cảnh Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo cấp cao:

thực hiện theo đề án đón đoàn.

- Thực hiện chi trả chi phí xét nghiệm, chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và các chi phí liên quan khác (*nếu có*) trong phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định tại Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19.

2.1.2. Yêu cầu phòng, chống dịch đối với các trường hợp cụ thể:

a) Đối với người nhập cảnh đã tiêm đủ liều vắc xin hoặc đã khỏi bệnh COVID-19⁽¹⁾:

- Trong 03 ngày đầu kể từ ngày nhập cảnh: Người nhập cảnh tự theo dõi sức khỏe tại nơi lưu trú (*gồm nhà ở, khách sạn, nhà nghỉ, khu nghỉ dưỡng, trụ sở của cơ quan đại diện, ký túc xá, nhà khách của cơ sở sản xuất, kinh doanh, ...*); không được tiếp xúc với người xung quanh, không được ra khỏi nơi lưu trú.

- Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp RT-PCR vào ngày thứ 3 kể từ ngày nhập cảnh. Nếu kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 thì tiếp tục theo dõi sức khỏe đến hết 14 ngày kể từ ngày nhập cảnh; Trường hợp kết quả xét nghiệm dương tính thì xử lý theo quy định.

b) Đối với người nhập cảnh chưa tiêm vắc xin hoặc tiêm chưa đủ liều vắc xin COVID-19:

- Thực hiện cách ly tại nơi lưu trú trong 07 ngày kể từ ngày nhập cảnh; Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp RT-PCR vào ngày thứ 3 và ngày thứ 7. Nếu kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 thì tiếp tục theo dõi sức khỏe đến hết 14 ngày; Trường hợp kết quả xét nghiệm dương tính thì xử lý theo quy định.

- Đối với người nhập cảnh dưới 18 tuổi (*sau đây gọi chung là trẻ em*), người từ 65 tuổi trở lên (*sau đây gọi chung là người cao tuổi*), phụ nữ có thai, người có bệnh lý nền (*nhưng không phải theo dõi, điều trị tại cơ sở y tế*): được cách ly cùng cha/mẹ/người chăm sóc (*sau đây gọi chung là người chăm sóc*). Người chăm sóc phải tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19 hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 và phải ký cam kết tự nguyện cách ly cùng sau khi được giải thích về các nguy cơ lây nhiễm COVID-19; phải thực hiện nghiêm các yêu cầu về xét nghiệm và các quy định về phòng, chống dịch COVID-19 như đối với người nhập cảnh.

2.1.3. Yêu cầu phòng, chống dịch khác

a) Yêu cầu về vận chuyển người nhập cảnh từ cửa khẩu nhập cảnh về nơi lưu trú:

- Đối với người nhập cảnh: Trong suốt quá trình di chuyển từ cửa khẩu nhập cảnh

¹ (i) Đã tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19 theo hướng dẫn đối với từng loại vắc xin được cấp phép (liều cuối cùng tiêm trong thời gian ít nhất 14 ngày và không quá 12 tháng tính đến thời điểm nhập cảnh) và có Chứng nhận tiêm chủng/hộ chiếu vắc xin đã được Việt Nam công nhận (hoặc hợp pháp hoá/xác nhận tại cơ quan có thẩm quyền nếu loại Giấy đó chưa được công nhận để sử dụng trực tiếp tại Việt Nam) hoặc (ii) Đã từng bị nhiễm SARS-CoV-2 (có giấy chứng nhận xét nghiệm dương tính với SAR-COV-2 bằng phương pháp R.T-PCR mẫu đơn không quá 6 tháng tính đến thời điểm nhập cảnh) và đã khỏi bệnh (có giấy xác nhận đã khỏi bệnh COVID-19 hoặc các giấy tờ tương đương xác nhận đã khỏi bệnh do cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia/vùng lãnh thổ điều trị cấp).

về nơi lưu trú phải thực hiện nghiêm quy định 5K.

- Đối với người điều khiển phương tiện vận chuyển người nhập cảnh: Hạn chế dừng, đỗ dọc đường; Trường hợp đặc biệt/khẩn cấp phải dừng đỗ dọc đường thì phải thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn phòng, chống dịch COVID-19.

b) Yêu cầu về cách ly tại nơi lưu trú nêu tại **điểm b, mục 2.1.2 nêu trên**: Thực hiện theo Công văn số 5599/BYT-MT ngày 14/7/2021 của Bộ Y tế về việc giảm thời gian cách ly, thí điểm cách ly y tế F1 tại nhà, quản lý điều trị bệnh nhân COVID-19 và Văn bản của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh; Trường hợp nơi lưu trú không đáp ứng các điều kiện cách ly tại nhà thì người cách ly phải thực hiện cách ly tập trung tại khách sạn hoặc tại cơ sở cách ly tập trung khác (theo quy định của tỉnh) theo thời gian cách ly tương ứng đối với từng đối tượng nêu tại Công văn này.

c) Yêu cầu trong thời gian theo dõi sức khỏe: Luôn thực hiện đầy đủ quy định 5K (*đeo khẩu trang, khai báo y tế, khử khuẩn tay thường xuyên, không đến nơi đông người, không tụ tập*); Trường hợp có dấu hiệu ho, sốt, khó thở, đau họng, ... thì báo ngay cho y tế địa phương để xử lý theo quy định.

d) Ngoài việc thực hiện các yêu cầu nêu tại Công văn này, phải thực hiện các quy định về phòng, chống dịch COVID-19 nêu tại các văn bản khác có liên quan.

đ) Khuyến khích tự xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 vào ngày thứ 1 kể từ ngày nhập cảnh; Trường hợp có kết quả xét nghiệm dương tính thì báo ngay cho y tế địa phương để xử lý theo quy định.

2.1.4. Kiểm tra và công nhận Chứng nhận tiêm chủng, Chứng nhận đã khỏi bệnh COVID-19:

- Về việc kiểm tra và công nhận Chứng nhận tiêm chủng COVID-19, Chứng nhận đã khỏi bệnh COVID-19 ở nước ngoài (*hoặc hộ chiếu vắc xin*) thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Ngoại giao, Sở Ngoại vụ tỉnh Vĩnh Phúc.

- Về việc công nhận và kiểm tra Chứng nhận tiêm chủng COVID-19, Chứng nhận đã khỏi bệnh COVID-19 ở Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2.1.5. Không áp dụng Công văn này đối với những trường hợp đã nhập cảnh và đang trong thời gian cách ly, theo dõi y tế theo quy định trước ngày ban hành Văn bản này.

2.1.6. Thời gian áp dụng biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đối với người nhập cảnh theo Văn bản này **kể từ ngày 01/01/2022**.

2.2. Đối với trường hợp F1 đã tiêm đủ liều vắc xin hoặc đã khỏi bệnh COVID-19:

2.2.1. Những người đã tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19 (*thẻ xanh trên Sổ Sức khỏe điện tử hoặc Giấy chứng nhận tiêm đủ liều vắc xin của cơ quan có thẩm quyền cấp*), liều cuối cùng đã được tiêm ít nhất 14 ngày và không quá 06 tháng hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm được xác định là đối tượng F1 (*có giấy ra viện/giấy xác nhận khỏi bệnh COVID-19*): Thực hiện cách ly y tế 07 ngày

tại nhà, nơi lưu trú (*nếu đủ điều kiện cách ly tại nhà, nơi lưu trú*), tự theo dõi sức khỏe trong 07 ngày tiếp theo. Tuân thủ 5K, nếu có dấu hiệu bất thường về sức khỏe như ho, sốt, khó thở, đau rát họng, mất vị giác... thì thông báo ngay cho cơ quan y tế để theo dõi và xử trí theo quy định; thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime RT-PCR hoặc xét nghiệm bằng kháng nguyên nhanh 02 lần (*lần 1 khi bắt đầu thực hiện cách ly, lần 2 vào ngày thứ 7*).

2.2.2. Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện nghiêm việc quản lý, giám sát cách ly đảm bảo an toàn phòng, chống dịch; kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện.

2.2.3. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện cách ly y tế tại nhà cho các đối tượng F1 theo phương châm “4 tại chỗ”, trừ trường hợp xét nghiệm bằng phương pháp Realtime RT-PCR thì chi phí mua vật tư, sinh phẩm, hóa chất thực hiện xét nghiệm RT-PCR sẽ do cơ sở đủ điều kiện thực hiện xét nghiệm trình cấp kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh; (B/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố; (Đề P/h chỉ đạo);
- Báo VP, Đài PTTH, Công TTGTĐT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có trang thông tin điện tử; (Đề tuyên truyền);
- Phòng VH&TT; TT VH&TT các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- GD, các PGĐ;
- Lưu: VT, TTBCXB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Hữu Vinh

Phụ lục 1:
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP GHI NHẬN MẮC COVID-19 TRONG NGÀY
(Ban hành kèm theo Bản tin ngày 24/12/2021 của Sở TT&TT)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	N.Đ.LÂN	1988	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
2	N.V.THÀNH	1995	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
3	T.A.TUẤN	1985	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
4	N.V.THẮNG	1999	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
5	N.V.TẤN	2002	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
6	V.V.LỢI	1985	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
7	N.N.ANH	1998	Nữ	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
8	H.V.ĐƯỢC	1989	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
9	N.Đ.TÂM	1995	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
10	T.T.NAM	1990	Nam	Duy Phiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
11	N.V.SƠN	1984	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
12	V.V.NHỊ	1995	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
13	V.T.M.THU	1990	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
14	T.T.T.MY	2001	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
15	V.T.M.PHƯƠNG	2005	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
16	L.T.TÂM	1962	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
17	N.T.THUY	1964	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
18	N.T.H.LIÊN	1993	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
19	H.Đ.ANH	1998	Nam	Thanh Vân	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
20	N.Đ.DŨNG	1973	Nam	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
21	N.T.LINH	1992	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
22	N.T.K.ANH	1987	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
23	T.V.ĐÌNH	1978	Nam	Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
24	N.T.V.ANH	1982	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
25	T.N.TUẤN	2009	Nam	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
26	P.H.VÂN	1987	Nữ	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
27	Đ.T.K.HUYỀN	2011	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
28	N.T.NHI	2017	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
29	N.H.QUÂN	1983	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
30	N.H.D.LINH	2007	Nữ	Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
31	N.V.XÊ	1963	Nam	Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
32	N.H.THẮNG	1997	Nam	Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
33	Đ.T.THANH	1988	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
34	V.T.HẠNH	2000	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
35	Đ.T.THU	1964	Nữ	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
36	N.T.Q.CHI	2019	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
37	N.V.DŨNG	1982	Nam	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
38	N.T.LÊ	1986	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
39	N.D.TŨNG	2017	Nam	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
40	N.B.CHẤU	2015	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
41	N.T.LIÊN	1983	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
42	N.D.HÀ	1980	Nam	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
43	Đ.T.LOAN	1997	Nữ	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
44	N.H.THUẬN	1952	Nam	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
45	D.V.CHÍNH	1957	Nam	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
46	N.M.THÁI	2005	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
47	C.T.TÁCH	1934	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
48	K.T.VỪNG	1963	Nữ	Đông Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
49	P.T.THUYỀN	1975	Nữ	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
50	T.T.TRANG	1983	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
51	T.Q.VINH	2010	Nam	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
52	N.T.THƠM	2004	Nữ	Đông Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
53	T.V.BÌNH	1994	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
54	D.H.CHẦU	1991	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
55	N.T.NGÂN	1986	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
56	T.Q.MẠNH	1973	Nam	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
57	N.T.HẠNH	1982	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
58	N.T.NGOC	1958	Nữ	Trung Nhị	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
59	N.T.THẨM	1979	Nữ	Trung Trắc	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
60	N.V.LINH	1987	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
61	N.V.ĐÌNH	1978	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
62	N.A.TUẤN	1978	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
63	N.Q.MINH	1997	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
64	T.T.HÒA	1956	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
65	N.T.QUỲNH	1991	Nữ	Liên Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
66	T.T.BÉ	1993	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
67	L.T.HÀ	1989	Nữ	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
68	L.V.HÙNG	1974	Nam	Tam Phúc	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
69	N.N.TRINH	1969	Nam	Tam Phúc	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
70	N.T.THỦY	1967	Nữ	Kim Xá	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
71	P.T.HIỀN	1986	Nữ	Lý Nhân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
72	Đ.X.LỢI	1993	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
73	N.T.HẢI	1982	Nữ	Bồ Sao	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
74	N.T.KIÊN	2004	Nam	Bồ Sao	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
75	P.T.ĐÌNH	1948	Nữ	Việt Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
76	H.T.ANH	2005	Nữ	Việt Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
77	N.T.CUÔNG	2001	Nam	Bồ Sao	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
78	L.V.ĐỨC	1992	Nam	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
79	L.V.THẮNG	1969	Nam	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
80	K.G.NAM	1990	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
81	L.T.THẢO	2009	Nữ	Thổ Tang	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
82	C.V.BẦY	1981	Nam	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
83	P.T.HUYỀN	1986	Nữ	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
84	L.V.THẮNG	1975	Nam	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
85	N.T.LÂM	1993	Nam	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
86	M.T.THANH	1995	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
87	S.V.THẮNG	2001	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
88	V.Đ.LAN	1988	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
89	P.T.ĐUN	2004	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
90	N.T.P.TUYẾT	2003	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
91	D.H.ƠN	1992	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
92	P.T.HẰNG	1981	Nữ	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
93	N.T.T.HÀ	1995	Nữ	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
94	Đ.T.HIỀN	1987	Nữ	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
95	N.T.THỦY	1978	Nữ	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Đã cách ly
96	P.Q.Đ.KHOA	2021	Nam	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
97	L.T.ANH	2009	Nam	Xuân Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
98	N.T.HẢO	2001	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
99	N.A.HÙNG	1976	Nam	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
100	L.H.YẾN	2015	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
101	V.T.THỦY	1978	Nữ	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
102	N.T.ANH	1999	Nam	Duy Tiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
103	N.T.OANH	1962	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
104	L.Y.CHI	2018	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

Phụ lục 2:
TÌNH HÌNH CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19
(Kèm theo Bản tin ngày 24/12/2021 của Sở TT&TT)

STT	Cơ sở điều trị COVID-19	Cũ	Vào	Ra	Hiện có
1	BVDC số 1	75	7	5	77
2	BVDC số 2	152	2	6	148
3	Tam Dương	48	0	0	48
4	Yên Lạc (Cơ sở 1)	9	0	5	4
5	Yên Lạc (Cơ sở 2)	63	1	8	56
6	Bình Xuyên (Cơ sở 1)	37	0	7	30
7	Bình Xuyên (Cơ sở 2)	58	6	0	64
8	Tam Đảo	1	0	1	0
9	Vĩnh Tường (Cơ sở 1)	46	0	0	46
10	Vĩnh Tường (Cơ sở 2)	0	0	0	0
11	Vĩnh Tường (Cơ sở 3)	43	0	0	43
12	Phúc Yên (Cơ sở 1)	37	7	3	41
13	Phúc Yên (Cơ sở 2)	97	23	120	0
14	Phúc Yên (Cơ sở 3)	23	130	6	147
15	Vĩnh Yên	58	5	3	60
16	Lập Thạch (Cơ sở 1)	26	0	0	26
17	Lập Thạch (Cơ sở 2)	6	6	0	12
18	Sông Lô	0	0	0	0
19	Bệnh viện 74 Trưng Ương	3	0	0	3
20	Bệnh viện Nhiệt đới TƯ	12	0	0	12
21	Đang cách ly tạm thời tại các cơ sở cách ly y tế	0	104	60	44
Tổng số		794	291	224	861

